

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THÀNH LÊ

CẢI CÁCH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY QUA THỰC TIỄN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Đăng Dung

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: YÊU CẦU CẢI CÁCH ĐỐI VỚI BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG XU THẾ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	6		
1.1. Quan niệm về chính quyền địa phương và chính quyền tỉnh	6		
1.2. Yêu cầu của nhà nước pháp quyền đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh	14		
1.2.1. Tính hợp hiến và hợp pháp trong tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh	15		
1.2.2. Yêu cầu cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	16		
1.2.3. Nâng cao tính độc lập, tự quyết, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương	18		
1.2.4. Yêu cầu về hiệu lực, hiệu quả và việc giải quyết các vấn đề an sinh xã hội của chính quyền tỉnh	22		
Chương 2: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ 1945 ĐẾN NAY. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI NGUYÊN	25		
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh Thái Nguyên	25	2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của bộ máy chính quyền cấp tỉnh ở Thái Nguyên từ 1945 đến nay	26
		2.2.1. Tổ chức chính quyền tỉnh Thái Nguyên từ năm 1945 đến trước khi ban hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003	26
		2.2.2. Tổ chức chính quyền tỉnh từ khi có Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 đến nay	45
		2.2.3. Thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh Thái Nguyên hiện nay	53
		2.3. Thực trạng cải cách bộ máy nhà nước ở tỉnh Thái Nguyên	78
		2.3.1. Thực trạng cải cách bộ máy nhà nước và các mặt hoạt động khác của chính quyền tỉnh Thái Nguyên thời gian qua	78
		Chương 3: CÁC KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH Ở THÁI NGUYÊN	91
		3.1. Tính tất yếu của cải cách bộ máy chính quyền tỉnh	91
		3.2. Các quan điểm cải cách bộ máy chính quyền tỉnh hiện nay	93
		3.3. Kiến nghị và giải pháp nhằm cải cách bộ máy nhà nước của chính quyền tỉnh Thái Nguyên	94
		3.3.1. Một số phương án nhằm đổi mới bộ máy và dự kiến mô hình chính quyền cấp tỉnh	94
		3.3.2. Một số giải pháp nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh Thái Nguyên	98
		KẾT LUẬN	106
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	108

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Điều 2 Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã khẳng định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nghị quyết của Đảng ta cũng đã nhấn mạnh: "Nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân. Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo".

Về mặt pháp lý, tổ chức chính quyền tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương ở cùng một cấp, có cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn tương tự nhau, mặc dù Luật tổ chức Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) năm 2003 đã có một số quy định chuyên biệt về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhưng chưa thỏa mãn được những yêu cầu, chưa phản ánh được những đặc thù chính quyền đô thị và nông thôn.

Trong bộ máy nhà nước, chính quyền cấp tỉnh có vị trí vô cùng quan trọng, là cấp trung chuyển quyền lực giữa trung ương và các vùng lãnh thổ - dân cư rộng lớn có đặc điểm và điều kiện kinh tế - xã hội khác biệt so với các đô thị. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước được thực hiện thực tế phụ thuộc nhiều vào việc tổ chức, triển khai thực hiện của chính quyền cấp tỉnh xuống các cấp trực thuộc ở địa phương.

Chính quyền tỉnh là thiết chế quyền lực nhà nước ở địa phương; về mặt pháp lý, tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp tỉnh đã có những thay đổi nhất định; nhưng trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra hiện nay: bộ máy chính quyền còn chồng chéo, nhiều tổ chức trong cơ cấu mang

tính hình thức, hoạt động kém hiệu quả, nhiều quy định của chính quyền tỉnh chưa phù hợp với Hiến pháp, Luật và các văn bản pháp luật của các cơ quan chuyên môn cấp trên, xâm phạm đến quyền, tự do, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập khu vực và quốc tế...

Xuất phát từ những vấn đề trên, thiết nghĩ việc chọn đề tài: "*Cải cách chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay qua thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*" là phù hợp với yêu cầu đang được đặt ra hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích các quan điểm khoa học khác nhau về cải cách bộ máy nhà nước, hệ thống chính quyền địa phương; đề tài khái quát hệ thống chính quyền địa phương từ năm 1945 đến nay, những quy định về tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh, đánh giá thực trạng cải cách bộ máy nhà nước, tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp tỉnh trên cơ sở tiêu chí nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay. Qua đó nêu những kiến nghị, những giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện quy định và tổ chức, hoạt động của hệ thống chính quyền cấp tỉnh.

Để thực hiện mục đích trên, đề tài có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các quy định pháp luật về bộ máy nhà nước, hệ thống chính quyền địa phương ở Việt Nam, trong đó tập trung phân tích tổ chức quyền lực nhà nước trong hệ thống chính quyền, khẳng định những yêu cầu của cải cách đối với hệ thống chính quyền cấp tỉnh.

- Đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của UBND và HĐND cấp tỉnh trên những phương diện khác nhau như: thể chế, thực tiễn, những tiêu chí, yêu cầu của cải cách...

- Nêu các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách.

3. Đối tượng, phạm vi, giới hạn của đề tài

Đối tượng nghiên cứu là tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền cấp tỉnh (cả HĐND và UBND) về mặt thể chế và thực tiễn, đồng

thời có liên hệ một số ảnh hưởng, tác động của hoạt động và tổ chức chính quyền cấp tỉnh trên các mặt lĩnh vực.

Phạm vi, giới hạn của đề tài là nghiên cứu tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh từ khi có Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 tới nay trong phạm vi cả nước và thực trạng ở tỉnh Thái Nguyên. Quá trình cải cách bộ máy nhà nước cấp tỉnh, những vướng mắc và giải pháp.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu được dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm chính trị - pháp lý ở nước ta về nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đồng thời trong quá trình nghiên cứu, có tham khảo, chọn lọc các quan điểm tiến bộ về cải cách bộ máy nhà nước, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

Đề tài được nghiên cứu bằng phương pháp: phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, dự báo và phương pháp khảo sát thực tiễn.

5. Đóng góp của đề tài

- Góp phần làm sâu sắc thêm những nhận thức về tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền cấp tỉnh trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu của nhà nước pháp quyền và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Hình thành quan niệm về thiết chế tổ chức thực hiện quyền hành pháp ở địa phương, chính quyền cấp tỉnh gồm HĐND và UBND có vai trò trung chuyển quyền lực nhà nước tới các đơn vị hành chính - lãnh thổ thuộc tỉnh, tổ chức và bảo đảm sự phát triển toàn diện trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trên cơ sở những yêu cầu của cải cách.

- Đưa ra quan điểm, giải pháp, kiến nghị mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh đáp ứng xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập khu vực và quốc tế ở nước ta.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

** Về lý luận:*

Kết quả nghiên cứu của luận án là những đóng góp làm phong phú thêm nhận thức về bộ máy chính quyền và xây dựng chính quyền ở nước ta; yêu cầu của quá trình cải cách bộ máy chính quyền địa phương nói chung và của tỉnh nói riêng. Đề tài có thể sẽ đóng góp làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy về tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương.

** Về thực tiễn:*

Các ý kiến mà đề tài kiến nghị có thể làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung về bộ máy chính quyền địa phương trong Hiến pháp và trong Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Yêu cầu cải cách đối với bộ máy chính quyền địa phương trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chương 2: Lịch sử hình thành và phát triển của bộ máy chính quyền tỉnh Thái Nguyên từ 1945 đến nay. Thực trạng cải cách bộ máy chính quyền cấp tỉnh ở tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Kiến nghị, giải pháp trong cải cách bộ máy chính quyền tỉnh Thái Nguyên.

Chương I

YÊU CẦU CẢI CÁCH ĐỐI VỚI BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG XU THẾ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1.1. Quan niệm về chính quyền địa phương và chính quyền tỉnh

Thuật ngữ "chính quyền địa phương" ở nước ta được dùng thông dụng kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

Theo Hiến pháp 1992, chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay bao gồm 3 cấp: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

Chính quyền cấp tỉnh là cấp chính quyền thực hiện sự quản lý nhà nước một cách toàn diện các mặt đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Tóm lại, chính quyền tỉnh là những thiết chế nhà nước ở cấp tỉnh do nhân dân trực tiếp hay gián tiếp lập nên, thực hiện quyền lực nhà nước - quyền lực hành pháp trên địa bàn lãnh thổ địa phương, không kể tới những thiết chế của các cơ quan nhà nước ở trung ương đóng tại địa phương để thực hiện những công việc chung của nhà nước phát sinh trên địa bàn địa phương và những vấn đề có ý nghĩa địa phương phát sinh trên lãnh thổ địa phương tỉnh mà vấn đề vượt khỏi tầm giải quyết của chính quyền tỉnh.

1.2. Yêu cầu của nhà nước pháp quyền đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh

1.2.1. Tính hợp hiến và hợp pháp trong tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh

Với quan điểm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nên nhân dân là người bầu ra cơ quan đại diện, cơ quan đại diện lập ra cơ quan chấp hành. Do vậy, "Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền là chủ của nhân dân địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và trước cơ quan nhà nước cấp trên" (Điều 119 Hiến pháp 1992). Hội đồng nhân dân có các cơ cấu làm việc như thường trực HĐND, các ban của HĐND. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND (Điều 123 Hiến pháp 1992) UBND được coi là một cơ cấu thuộc HĐND.

1.2.2. Yêu cầu cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh

Cải cách hành chính vừa là việc làm vừa là nhiệm vụ thường xuyên, trước mắt và lâu dài của chính quyền tỉnh. Chính quyền tỉnh là cấp tổ

chức, thực hiện và chỉ đạo cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trên cơ sở các quy định của trung ương. Chính quyền tỉnh là cơ quan chịu trách nhiệm về cải cách hành chính trên địa phương mình. Việc cải cách thủ tục hành chính của chính quyền tỉnh cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: Thủ tục hành chính phải đơn giản, thuận tiện cho việc thực hiện; đây là yêu cầu cơ bản, đồng thời cũng phản ánh nguyện vọng, bức xúc của nhân dân ta hiện nay.

Bên cạnh đó, nhà nước pháp quyền đòi hỏi bộ máy chính quyền tỉnh phải gọn nhẹ, có sự phân công, phân cấp rõ ràng giữa các cấp chính quyền.

1.2.3. Nâng cao tính độc lập, tự quyết, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương

Phân quyền, tự quản, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong nhà nước pháp quyền là những yếu tố gắn liền với nhau, không có phân quyền theo chiều dọc thì không có tự quản, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương nói chung và chính quyền tỉnh nói riêng. Đồng thời, là yêu cầu đòi hỏi đầu tiên của nhà nước pháp quyền đối với chính quyền địa phương.

Nguyên tắc phân quyền là một trong những nguyên tắc của nhà nước pháp quyền. Nhưng cách hiểu và quan niệm về nguyên tắc này, nhất là việc vận dụng vào thực tế là rất phức tạp. Thực tiễn mỗi quốc gia trên thế giới đều có mô hình tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước khác nhau của mình.

Phân quyền hay phân cấp và sự tự quản của chính quyền địa phương là một đòi hỏi khách quan của quản lý trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền.

1.2.4. Yêu cầu về hiệu lực, hiệu quả và việc giải quyết các vấn đề an sinh xã hội của chính quyền tỉnh

Trong điều kiện nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mọi mặt đời sống xã hội diễn ra tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường: quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị... Do sự vận động của các quy luật đó, tất yếu dẫn đến tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày một gay gắt, xã hội ngày càng nhiều mâu

thuần, bất bình đẳng, tình trạng thất nghiệp gia tăng, các vấn đề xã hội, tệ nạn xã hội phát sinh, tình trạng tội phạm, tham nhũng phát triển. Vì vậy, bên cạnh việc bảo đảm phát triển kinh tế, việc khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường tại địa phương được đặt ra như là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài của chính quyền các cấp. Nhưng trên địa bàn tỉnh, chính quyền cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng nhất trong trong bộ máy chính quyền địa phương trong việc xây dựng, chỉ đạo thực hiện các biện pháp thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thực hiện bảo trợ xã hội ...

Chương 2

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ 1945 ĐẾN NAY. THỰC TRẠNG CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi trung du, nằm trong vùng trung du và miền núi Bắc bộ, có diện tích tự nhiên 3.562,82 km², dân số hiện nay là hơn 1 triệu người, chiếm 1,13% diện tích và 1,41% dân số so với cả nước. Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang, phía Nam tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội.

Về đơn vị hành chính tỉnh Thái Nguyên có: 01 thành phố, 01 thị xã, 07 huyện, gồm 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 125 xã vùng cao và miền núi.

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 08 dân tộc chủ yếu đó là Kinh, Tày, Nùng, Sán diu, H'mông, Sán chay, Hoa và Dao. Dân cư phân bố không đều, vùng cao và vùng núi dân cư rất thưa thớt, trong khi đó ở thành thị và đồng bằng dân cư lại dày đặc, mật độ dân số thấp nhất là 72 người/km² cao nhất là mật độ 1.260 người/km².

Với vị trí địa lý là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi Đông bắc nói chung, Thái Nguyên là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc bộ. Là một tỉnh có điều kiện giao thông thuận tiện, có nhiều tiềm năng về tài nguyên khoáng sản như: Sắt, than, quặng Titan và tài nguyên nước... Với vị trí trung tâm của Việt Bắc, Thái Nguyên còn là nơi hội tụ nền văn hóa của các dân tộc miền núi phía Bắc, là đầu mối các hoạt động văn hóa, giáo dục của cả vùng núi phía Bắc rộng lớn.

2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của bộ máy chính quyền cấp tỉnh ở Thái Nguyên từ 1945 đến nay

2.2.1. Tổ chức chính quyền tỉnh Thái Nguyên từ năm 1945 đến trước khi ban hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003

2.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến Hiến pháp 1959

a) Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, các Ủy ban dân tộc giải phóng ở các cấp đổi thành các "Ủy ban hành chính" để tổ chức và thực hiện công việc bảo vệ chính quyền nhân dân còn non trẻ, tổ chức đời sống nhân dân ở địa phương.

Tháng 3 năm 1945, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đồng chí Lê Trung Đình được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính (UBHC) tỉnh). Bên cạnh UBHC còn có Ủy ban bảo vệ các cấp (Thành phần ủy ban bảo vệ gồm đại diện UBHC, đại diện lực lượng vũ trang và 01 đại diện HĐND cùng cấp).

b) Hiến pháp 1946 ra đời. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành các Sắc lệnh(Sắc lệnh số 3 ngày 28/12/1946 và Sắc lệnh 91 ngày 01/10/1947) sửa đổi, bổ sung Sắc lệnh 63 và 77.

Theo quy định của các Sắc lệnh, tỉnh Thái Nguyên tiến hành hợp nhất UBHC và UB kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh. Số lượng thành viên là 07 ủy viên trong đó có 01 Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch. Các cơ quan chuyên môn từng bước được củng cố, kiện toàn đủ các cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ được từng bước hoàn thiện. Ngày 10/10/1949,

61.785 cử tri trên tổng số 95.755 cử tri tỉnh Thái Nguyên đã đi bầu được 20 đại biểu trên tổng số 38 ứng cử viên vào HĐND tỉnh.

c) Năm 1954 hòa bình lập lại trên miền Bắc, để tổ chức chính quyền cho phù hợp với tình hình mới, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 004 ngày 20/7/1957 về bầu cử HĐND và UBHC các cấp ở miền Bắc.

- Trong giai đoạn này, bộ máy chính quyền tỉnh Thái Nguyên cũng có nhiều biến đổi do việc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc, năm 1956 Trung ương chuẩn y kết quả thành lập Khu tự trị Việt Bắc (gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang và Thái Nguyên), Thị xã Thái Nguyên được chọn là Thủ phủ của Khu tự trị. HĐND tỉnh Thái Nguyên thời kỳ này có 28 đại biểu và 3 đại biểu dự khuyết.

2.2.1.2. Giai đoạn từ Hiến pháp 1959 đến Hiến pháp 1980

- Tỉnh Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 111 NQ/TW ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103 ngày 21/4/1965 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã tiến hành hợp nhất tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái.

Từ ngày 21 đến ngày 25/6/1965, HĐND tỉnh Bắc Thái khóa I họp kỳ thứ nhất với sự có mặt của 113 đại biểu trên tổng số 128 đại biểu; tại kỳ họp thứ nhất này HĐND tỉnh đã bầu 01 Chủ tịch và 04 Phó chủ tịch UBHC tỉnh Bắc Thái. HĐND tỉnh vẫn chưa có chức danh Chủ tịch, chủ tọa kỳ họp là Chủ tịch UBHC khóa trước.

2.2.1.3. Giai đoạn từ Hiến pháp 1980 đến Hiến pháp 1992

- Theo Quyết định của Quốc hội khóa V kỳ họp thứ 2, Khu tự trị Việt Bắc tồn tại cho tới ngày 27 tháng 12 năm 1975 thì giải thể cùng với Khu tự trị Tây Bắc.

- Tháng 8/1976, theo quy định của Hiến pháp 1980 và Luật tổ chức HĐND và UBND 1983, UBHC tỉnh Bắc Thái đổi tên thành UBND tỉnh Bắc Thái.

Trong giai đoạn từ 1981 đến 1986, tỉnh Bắc Thái tập trung thực hiện kế hoạch 05 năm. Trong thời kỳ này, về cơ cấu tổ chức bộ máy của HĐND và UBND tỉnh không có thay đổi, biến động gì so với HĐND khóa trước...

2.2.1.4. Giai đoạn từ Hiến pháp 1992 đến trước khi có Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003

Giai đoạn 1991 - 1996, cơ cấu UBND và HĐND tỉnh Bắc Thái đã có một số thay đổi như: số lượng đại biểu HĐND giảm xuống tuy nhiên các cơ quan trực thuộc UBND và HĐND không có thay đổi gì.

Tháng 11 năm 1994 đã có 97,7% cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử lựa chọn được 5951 đại biểu HĐND các cấp. Năm 1994 là năm kết thúc khóa HĐND 1989 - 1994, bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh được 26 người, sau đó bầu các chức danh UBND được 13 đồng chí gồm 01 chủ tịch, 03 phó chủ tịch và các thành viên.

Ngày 06/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên...

Ngày 05/5/1997, HĐND tỉnh họp phiên thứ nhất, bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, đến tháng 01/1998 bầu bổ sung chức danh Phó chủ tịch HĐND và kiện toàn Ban kinh tế - Ngân sách (bầu chức danh Trưởng ban) của HĐND khóa IX.

2.2.2. Tổ chức chính quyền tỉnh từ khi có Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 đến nay

HĐND tỉnh là cơ quan đại diện quyền lực nhà nước ở địa phương. Nghị quyết của HĐND tỉnh có giá trị quyền lực - pháp lý đối với các đối tượng ở địa phương trong phạm vi điều chỉnh của nghị quyết. Đồng thời, nghị quyết của HĐND tỉnh là cơ sở, căn cứ để chính quyền cấp dưới ban hành các quyết định cụ thể trên địa bàn của mình.

Theo quy định của pháp luật hiện hành: "UBND do HĐND bầu, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp". Nhằm đảm bảo thực hiện chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn.

HĐND tỉnh được thành lập 3 ban: Kinh tế ngân sách, Văn hóa - xã hội và Ban Pháp chế. Nơi nào có nhiều dân tộc khác nhau cùng sinh sống thì có thể thành lập thêm Ban Dân tộc.

2.2.3. Thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh Thái Nguyên hiện nay

2.2.3.1. Tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh Thái Nguyên

a) Tổ chức của HĐND tỉnh:

Ở tỉnh Thái Nguyên, số lượng Đại biểu HĐND khóa XI nhiệm kỳ 2004 - 2011 là 67 đại biểu; cơ cấu HĐND như sau: Thường trực HĐND gồm có 3 người trong đó có 01 Chủ tịch HĐND, 01 Phó Chủ tịch HĐND và 01 ủy viên; các Ban của HĐND gồm có: Ban Kinh tế - Ngân sách (06 người trong đó có 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 04 thành viên), Ban Văn hóa xã hội (07 người trong đó có 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và 05 thành viên), Ban Pháp chế (08 người trong đó có 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và 06 thành viên), Ban Dân tộc (06 người trong đó 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và 04 thành viên). Đến Khóa XII nhiệm kỳ 2011 - 2016, số lượng đại biểu HĐND tỉnh Thái Nguyên tăng lên 72 đại biểu, cơ cấu HĐND không có gì thay đổi so với khóa trước, tuy nhiên có điều chỉnh số lượng thành viên các Ban, mỗi Ban của HĐND đều có số lượng là 07 thành viên trong đó các Trưởng ban đều hoạt động kiêm nhiệm, còn các Phó trưởng ban là chuyên trách.

b) Hoạt động của HĐND tỉnh

Theo quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động của HĐND tỉnh được thực hiện thông qua: các kỳ họp của HĐND, hoạt động của thường trực HĐND, các ban của HĐND và hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh. (Điều 111 đến Điều 18 Luật)

* Các kỳ họp của HĐND tỉnh

- Kỳ họp thường lệ

- Kỳ họp bất thường

* Hoạt động của Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh thực hiện giữa 2 kỳ họp của HĐND, tập trung chủ yếu vào các hoạt động giám sát, hoạt động hành chính và nội bộ.

* Đại biểu HĐND là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và tham gia vào việc quản lý nhà nước.

2.2.3.2. Tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh

a) Tổ chức của UBND tỉnh

Theo Quyết định số 1088/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì số lượng thành viên của UBND tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2011- 2016 có 09 người trong đó có 01 Chủ tịch, 03 Phó chủ tịch và 05 ủy viên; các cơ quan trực thuộc UBND có 18 sở, ngành gồm: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Công thương, Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học - công nghệ, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.

b) Hoạt động của UBND tỉnh

UBND tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chung, hoạt động theo nguyên tắc tập thể quyết định. Hoạt động của UBND tỉnh thông qua phiên họp, hoạt động của Chủ tịch và các thành viên của UBND. Ngày 18/01, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 89/QĐ - UBND về ban hành chương trình các phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh, giao ban hàng tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh năm 2012.

2.2.3.3. Một số hoạt động khác của chính quyền tỉnh

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Điều 1 Luật văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004 đã quy định: Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND được ban hành dưới hình thức nghị quyết. Văn bản quy phạm pháp luật của UBND được ban hành dưới hình thức quyết định, chỉ thị.

b) Hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát

* Hoạt động giám sát: Điều 1 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 đã quy định: HĐND thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, TAND, VKSND cùng cấp; giám sát việc

thực hiện các nghị quyết của HĐND; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

* Hoạt động thanh tra, kiểm tra: Theo quy định tại khoản 5 điều 87, điều 94 và điều 96 Luật 2003, UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra. Thông qua các biện pháp: nghe báo cáo của đối tượng kiểm tra, tổ chức các đoàn kiểm tra ngành hoặc liên ngành, qua cơ quan Thanh tra nhà nước cấp tỉnh.

c) Hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo

Ngày 02/12/1998, Luật khiếu nại, tố cáo ra đời; ngày 15/6/2004 Quốc hội thông qua Luật khiếu nại, tố cáo được bổ sung, sửa đổi; ngày 29/11/2005, Quốc hội khóa XI tại kỳ họp thứ 8 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo. Khoản 4 Điều 16 và Điều 18 Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 đã quy định, HĐND cấp tỉnh có nhiệm vụ: quyết định biện pháp bảo đảm việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật. Điều 94, 96 của Luật 2003 cũng quy định UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ: tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

d) Hoạt động cải cách thủ tục hành chính

Cải cách thủ tục hành chính là một nội dung quan trọng của cải cách hành chính. Hiện nay, cải cách thủ tục hành chính là khâu then chốt, "đột phá" được cả bộ máy nhà nước quan tâm...

2.2.3.4. Những ưu điểm, tồn tại của bộ máy chính quyền cấp tỉnh và nguyên nhân

a) Những ưu điểm của tổ chức và hoạt động của HĐND và UBND cấp tỉnh

- Về mặt lý thuyết đảm bảo quyền lực của nhân dân được triển khai trực tiếp và cụ thể trên địa bàn.

- Quy định Bí thư tỉnh ủy kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND tỉnh làm cho hoạt động giữa Đảng, HĐND và UBND thuận lợi và có sự thống nhất cao.

- Về hoạt động chuẩn bị và tổ chức kỳ họp HĐND đã được kỹ lưỡng, phân công cụ thể, quá trình chuẩn bị đảm bảo đúng trình tự, quy định của pháp luật...

b) Những tồn tại, hạn chế

- Những hạn chế, tồn tại trong hoạt động của chính quyền tỉnh:

Một là, hoạt động của HĐND chưa thể hiện được tính chủ động; hình thức, nội dung.

Hai là, đại biểu HĐND hầu hết là không chuyên trách.

Ba là, các quyết định hành chính và hành vi hành chính của HĐND và UBND tại các kỳ họp, hội nghị chưa thực sự có hiệu lực và hiệu quả.

Bốn là, hoạt động giám sát của các cơ quan theo chức năng chưa ngang tầm, chưa hiệu quả.

Năm là, đội ngũ cán bộ công chức, lãnh đạo các cơ quan của chính quyền cấp tỉnh chưa phát huy được hết vai trò và thẩm quyền của mình.

Sáu là, hoạt động của chính quyền cấp tỉnh nhìn chung chưa đảm bảo được tính pháp chế của nhà nước pháp quyền.

c) Nguyên nhân

- Do sự chưa hoàn thiện của pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nói chung...

- Chính quyền cấp tỉnh chưa thể hiện được đúng vai trò, vị trí của nó là đơn vị trung gian giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương các cấp.

- Thực tế hoạt động của đại biểu HĐND; điều kiện vật chất và cơ chế đảm bảo cho HĐND chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế hoạt động...

2.3. Thực trạng cải cách bộ máy nhà nước ở tỉnh Thái Nguyên

2.3.1. Thực trạng cải cách bộ máy nhà nước và các mặt hoạt động khác của chính quyền tỉnh Thái Nguyên thời gian qua

2.3.1.1. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn, tổ chức lại 23 cơ quan chuyên môn; thành lập mới Sở Bru chính - Viễn thông, Ban Thi đua Khen

thường trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiện toàn, tổ chức lại 127 phòng, ban chuyên môn của 9 huyện, thành phố, thị xã.

2.3.1.2. Cải cách thể chế:

a) Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật:

Trong những năm qua Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 1.007 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có chứa quy phạm pháp luật (69 Nghị quyết, 126 Chỉ thị, 766 Quyết định, 46 văn bản khác có chứa quy phạm).

b) Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật:

Thực hiện nội dung Đề án cải cách hành chính của tỉnh, ngày 03/7/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành quyết định số 805/QĐ-UBND và Quyết định số 804/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ tập hợp, hệ thống. Tổ đã kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kết quả rà soát: tổng số văn bản còn hiệu lực thi hành 148 văn bản.

c) Việc rà soát các thủ tục hành chính:

Xác định rà soát thủ tục hành chính là khâu đột phá của cải cách hành chính, trong những năm qua công tác rà soát thủ tục hành chính đã được tỉnh Thái Nguyên tích cực chỉ đạo thực hiện theo Nghị quyết số 38/CP ngày 04/5/1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính, Chỉ thị số 09/2005/CT-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cần làm ngay để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

* Cơ chế một cửa:

Thực hiện Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa tại các cơ quan hành chính ở địa phương, năm 2004 có 4 sở và 9/9 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thực hiện cơ chế một cửa; năm 2005 thực hiện

cơ chế một cửa tại 180 Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; năm 2006 có thêm 7 sở, ngành thực hiện cơ chế một cửa; năm 2007 có thêm Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tư pháp thực hiện cơ chế một cửa.

* Cơ chế một cửa liên thông: Thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện thí điểm mô hình một cửa liên thông. Năm 2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thí điểm cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính với tổ chức và công dân.

2.3.1.3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Từ 2001 đến hết năm 2010, tỉnh đã tổ chức được 9 kỳ thi tuyển công chức, viên chức vào các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp...

Về tinh giản biên chế, thực hiện theo Nghị quyết số 16 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết chính sách cho 281 người; theo Nghị quyết 09 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết chính sách cho 1.092 người; theo Nghị định số 132 của Chính phủ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế 2 lần.

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được chỉ đạo đổi mới, tăng cường phân cấp quản lý.

Cùng những thành tựu vẫn còn có những hạn chế nhất định là: Cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức chưa được xác định một cách khoa học gắn với thực tiễn thực hiện chức năng, nhiệm vụ...

2.3.1.4. Hiện đại hóa bộ máy hành chính

- Ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước: Việc phát triển ứng dụng CNTT mà trước hết là trong quản lý hành chính Nhà nước đã được bắt đầu và đạt được một số kết quả.

- Hệ thống quản lý chất lượng (theo tiêu chuẩn ISO 9000-2001) bước đầu đã được nghiên cứu ứng dụng trong hoạt động của các cơ quan hành chính. Đến nay đã có 02 cơ quan hành chính xây dựng và triển khai hệ thống này. Điều quan trọng qua áp dụng hệ thống là tạo lập một phương pháp làm việc khoa học, xác định rõ công việc cần làm, chủ thể thực hiện.

2.3.1.5. Cải cách tài chính công

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thực hiện Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và Nghị định số 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí, biên chế và tổ chức bộ máy, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006 đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh.

Chương 3

CÁC KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH Ở THÁI NGUYÊN

3.1. Tính tất yếu của cải cách bộ máy chính quyền tỉnh

- Việc xây dựng nhà nước pháp quyền đòi hỏi mọi cấp chính quyền trong đó có chính quyền tỉnh phải quản lý xã hội bằng pháp luật.

- Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với xu hướng hội nhập, mở cửa được vận hành với những quy luật tất yếu của nó dẫn đến sự thay đổi căn bản trong mối quan hệ của các đối tượng và phạm vi tác động của nó trong đó có các cấp chính quyền.

- Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, vị trí và vai trò của chính quyền tỉnh ở các vùng này là vô cùng quan trọng, hoạt động của chính quyền cấp tỉnh có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng của quốc gia.

- Bên cạnh những thành tựu đạt được, tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh còn nhiều hạn chế và tồn tại.

- Xu thế hội nhập quốc tế và khu vực là một xu thế tất yếu trong bối cảnh thế giới hiện nay, đòi hỏi bộ máy chính quyền tỉnh phải năng động, linh hoạt.

3.2. Các quan điểm cải cách bộ máy chính quyền tỉnh hiện nay

Một là, cải cách bộ máy chính quyền tỉnh cần được tiến hành một cách đồng bộ; mọi sự thay đổi của tổ chức phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, từ sự phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, tiến hành phân cấp giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền cấp tỉnh.

Ba là, phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức và hoạt động.

Bốn là, việc phân cấp phải phù hợp với điều kiện, tiềm năng của các tỉnh, các khu vực và vùng lãnh thổ khác nhau.

Năm là, tăng thẩm quyền cho chính quyền địa phương nhưng phải có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý.

Sáu là, cải cách bộ máy chính quyền cấp tỉnh theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.3. Kiến nghị và giải pháp nhằm cải cách bộ máy nhà nước của chính quyền tỉnh Thái Nguyên

3.3.1. Một số phương án nhằm đổi mới bộ máy và dự kiến mô hình chính quyền cấp tỉnh

3.3.1.1. Một số phương án nhằm đổi mới chính quyền cấp tỉnh

- Trên cơ sở giữ nguyên các quy định về tính chất, vị trí, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh và chỉ đổi mới phương thức hoạt động, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ giữa HĐND và UBND.

- Cải cách một cách cơ bản và bắt đầu từ việc nhìn nhận lại vị trí, tính chất Hiến định của HĐND và UBND.

- Đổi mới theo lộ trình và rút kinh nghiệm từ mỗi bài học qua các bước thử nghiệm.

3.3.1.2. Dự kiến mô hình bộ máy chính quyền cấp tỉnh:

Chính quyền cấp tỉnh gồm: tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ máy chính quyền cấp tỉnh gồm: HĐND và UBND cấp tỉnh.

HĐND và UBND được thiết lập ở tất cả các đơn vị hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

HĐND tỉnh được xác định là cơ quan đại diện của nhân dân địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra và có thể vị bãi nhiệm theo các tiêu chí.

Hình thức hoạt động chính của HĐND vẫn là kỳ họp và Luật nên quy định số lượng tối thiểu kỳ họp bắt buộc phải được tiến hành.

Tổ chức HĐND tỉnh cần có Quy chế tổ chức và hoạt động riêng cho HĐND vùng đồng bằng, trung du và miền núi riêng; tỉnh đang phát triển và phát triển.

UBND là cơ quan chấp hành và hành chính của HĐND cần phải tăng cường cơ quan nhà nước ở địa phương theo chế độ tán quyền như thuế, hải quan, thông kê ... để thực hiện quản lý nhà nước ở địa phương và đảm bảo sự thống nhất quản lý ở một số lĩnh vực nhất định. Xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, tránh chồng chéo, mâu thuẫn.

Cần phân biệt cơ quan chuyên môn "nội thuộc" và "ngoại thuộc".

3.3.2. Một số giải pháp nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh Thái Nguyên

3.3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự phối hợp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh

Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, chính sách thông qua cương lĩnh, nghị quyết và các chỉ thị nhằm đảm bảo Đảng không lấn sân, làm thay công việc của Nhà nước. Đảng giới thiệu, phân công các Đảng viên để nhân dân và các cơ quan nhà nước xem xét, bổ nhiệm vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước. Để hoạt động lãnh đạo của Đảng được hiệu quả, sâu sát cần phân cấp rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm của trung ương cho các tổ chức Đảng ở địa phương.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Vì ở nước ta, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

có vai trò quan trọng trong việc phát huy quyền dân chủ đại diện của quần chúng, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng nhân dân.

3.3.2.2. Đổi mới công tác tổ chức nhân sự; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức

- Tăng số lượng người ứng cử, đề cử trong các cuộc bầu cử; trong bầu cử các chức vụ cần phải thực hiện hình thức tranh cử một cách triệt để. Quá trình trên cần phải được triển khai một cách công khai, minh bạch và đúng luật.

- Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức cần phải chú ý những vấn đề sau: xác định rõ mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng; nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải toàn diện, chuyên sâu; tăng cường các phương pháp đào tạo, bồi dưỡng mới; cần phân loại cán bộ công chức trước khi đào tạo, bồi dưỡng để công tác đạt hiệu quả cao; đồng thời công tác này phải được tiến hành trước khi bầu, bổ nhiệm để tránh tình trạng trả nợ vẫn còn tồn tại ở một số địa phương như hiện nay.

3.3.2.3. Hoàn thiện thể chế pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền trên địa bàn tỉnh

Về thể chế, phải có sự thay đổi căn bản đối với Luật 2003 từ tên gọi cho đến cơ cấu các phần của Luật cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Đối với chính quyền cấp tỉnh, cần phân định rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND. Xây dựng HĐND thành một thể chế thực quyền và năng động, cần phải có những quy định chặt chẽ, tăng quyền cho Thường trực HĐND, tăng cường bộ máy giúp việc để HĐND có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tốt nhất...

3.3.2.4. Tăng cường phân cấp, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho bộ máy chính quyền tỉnh và phân cấp cho chính quyền tỉnh

Tự chủ, tự chịu trách nhiệm luôn là yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, trong tổ chức bộ máy chính quyền tỉnh nhằm nâng cao tính sáng tạo, phát huy tính trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Để tăng cường phân cấp, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho bộ máy chính quyền tỉnh cần phải bổ sung thêm những quy định như:

- Giao nhiệm vụ quản lý, phát triển đô thị cho bộ máy chính quyền tỉnh dưới sự định hướng, giám sát, kiểm tra chặt chẽ từ các cơ quan chuyên môn ở trung ương....

3.3.2.5. *Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật*

- Hoạt động kiểm tra phải được coi là hoạt động cơ bản của chính quyền tỉnh.

- Hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh được bảo đảm bằng hoạt động của cơ quan thanh tra tỉnh.

- Hoạt động giám sát là hoạt động chính của HĐND tỉnh, cần quy định rõ ràng, cụ thể hơn về thẩm quyền và trách nhiệm của thường trực, các Ban và các đại biểu của HĐND...

3.3.2.6. *Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính*

Phải xác định cải cách hành chính là công việc thường xuyên của bộ máy chính quyền tỉnh với các nội dung chính là: cải cách thể chế hành chính, cải cách bộ máy hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công.

Bên cạnh cải cách thủ tục hành chính cần áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, triển khai ứng dụng ISO trong quản lý hành chính.

3.3.2.7. *Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của tổ chức, công dân*

Để giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo cần phải đa dạng hóa các hình thức tiếp dân, tiếp dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cần thành lập một cơ quan để thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp tỉnh để thống nhất chỉ đạo công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo ở địa phương...

KẾT LUẬN

Đề tài khái quát quá trình hình thành và phát triển của chính quyền cấp tỉnh ở tỉnh Thái Nguyên, đồng thời nghiên cứu hệ thống các văn bản về tổ chức và hoạt động của chính quyền tỉnh ở nước ta từ khi thành lập

nước đến nay, qua phân tích nhận thấy: cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp tỉnh trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền là một định hướng chiến lược, lâu dài.

Để đáp ứng được yêu cầu của xây dựng nhà nước pháp quyền phải thường xuyên đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh bảo đảm tính tối cao của hiến pháp và luật, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm tính thống nhất và ổn định của hệ thống văn bản đồng thời đảm bảo pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước. Tổ chức chính quyền tỉnh theo hướng gọn nhẹ, năng động, có sự phân công, phân định chức năng nhiệm vụ rõ ràng giữa HĐND và UBND, giải quyết tốt mối quan hệ giữa UBND và Thường trực HĐND, phát huy hiệu quả hoạt động của các Ban và của đại biểu HĐND. Cũng cố thể chế thường trực HĐND, tăng cường vai trò, nhiệm vụ của các Ban của HĐND. Đề cao vai trò tự quyết của chính quyền tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực về nhân sự, cơ cấu tổ chức, biên chế các cơ quan chuyên môn của UBND và vấn đề tiền lương của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Đối với các cơ quan chuyên môn của UBND phải phân biệt giữa cơ quan nội thuộc và cơ quan ngoại thuộc, các cơ quan thuộc UBND không chỉ là cơ quan tham mưu giúp UBND mà còn là cơ quan quản lý nhà nước quản lý ngành trên lãnh thổ địa phương, hiện nay ở nước ta chưa phân định rạch ròi về quan điểm này. Cải cách bộ máy chính quyền tỉnh phải đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, gắn liền với tăng trưởng, phát triển kinh tế, thực hiện tốt chính sách xã hội.

Để thực hiện tốt việc cải cách chính quyền tỉnh cần tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trên địa bàn, kịp thời phát hiện những vi phạm và xử lý nghiêm minh, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trước pháp luật. coi trọng công tác giải quyết khiếu nại tố cáo, thông qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đồng thời qua đó để phát hiện và khắc phục những yếu kém của hoạt động chính quyền tỉnh. Bên cạnh đó phải bảo đảm cơ chế giám sát của nhân dân, của tổ chức xã hội đối với chính quyền. Các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và xem xét, giải quyết triệt để đối với dư luận xã hội. Đồng thời phải tăng cường cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp huyện, cấp xã nhằm nâng cao tính đồng bộ và thống nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tỉnh.